TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH-** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **01**/2024/KDTM-ST
Ngày: 28/3/2024
Về việc: "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH- TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thu Hương**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Kiện**
2. Ông **Danh Đẹp**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Trần Thị Như Ngọc**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Thế Nam**- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 11/2023/TLST-KDTM ngày 04 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXX-ST, ngày 08 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng A**

Địa chỉ: Số nhà X, đường Y, phường N, quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, sinh năm 19.....- Chức vụ: Tổng Giám đốc A.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Trần Nhật L, sinh năm 1972- Chức vụ: Giám đốc A- Chi nhánh B (Theo văn bản ủy quyền số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Tổng Giám đốc A).

Người được ủy quyền lại: Ông Trịnh Hoàng G, sinh năm 1978- Chức vụ: Phó Giám đốc A- Chi nhánh B (Theo văn bản ủy quyền số 08/NHNoBN-KG-UQ ngày 01/02/2024 của Giám đốc A- Chi nhánh B).

Địa chỉ A- Chi nhánh B: Ấp B, xã L, huyện G, tỉnh K.

2. Đồng bị đơn: - Ông **Nguyễn Hữu H**, sinh năm 1976, CCCD số: 00107…3.

- Bà **Đỗ Thị H**, sinh năm 1979, CCCD số: 001…3381

Cùng địa chỉ theo hộ khẩu thường trú: Đội G, thôn Á, xã L, huyện M, Thành phố H.

Cùng địa chỉ hiện nay:

Địa chỉ 1: Tổ 1, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh K.

Địa chỉ 2: Khu phố M, thị trấn M, huyện C, tỉnh K.

(Tại phiên tòa, ông Trịnh Hoàng G có mặt; đồng bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 14/8/2023, bản tự khai của nguyên đơn, nội dung phiên không hòa giải được ngày 05/12/2023, hồ sơ vụ án, vụ án có nội dung như sau:

** Ông Trịnh Hoàng G (Người được ủy quyền lại của Ngân hàng A) trình bày:*

Ông Nguyễn Hữu H và bà Đỗ Thị H đã ký kết với Ngân hàng A- Chi nhánh B Hợp đồng tín dụng số 7714LAV202200417 ngày 18/05/2022 để vay vốn của A- Chi nhánh B với số tiền là 2.500.000.000đ (Hai tỷ năm trăm triệu đồng), hạn trả cuối cùng vào ngày 17/05/2023, lãi suất trong hạn tại thời điểm vay là 9%/năm, lãi quá hạn là 13,5%/năm, thời hạn vay vốn 12 tháng, trả lãi 3 tháng/lần, trả nợ gốc 1 lần vào cuối kỳ, mục đích sử dụng vốn vay: Mua bán bia, nước ngọt, hải sản các loại.

Và, ông Nguyễn Hữu H đã ký kết với Ngân hàng A- Chi nhánh B II Hợp đồng thấu chi và phát hành, sử dụng thẻ ghi nợ số 7714-LAV-202300692 ngày 22/6/2023 để vay vốn của A- Chi nhánh B với số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), hạn trả cuối cùng là ngày 21/06/2024, lãi suất trong hạn tại thời điểm vay là 10.5%/năm, lãi quá hạn là 15,75%/năm, thời hạn vay vốn 12 tháng, trả lãi 3 tháng/lần, trả nợ gốc 1 lần vào cuối kỳ, mục đích sử dụng vốn vay: Tiêu dùng.

Tài sản thế chấp bảo đảm cho các hợp đồng nêu trên là:

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 151465 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 11/03/2022 do ông Nguyễn Hữu H đứng tên theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7714LCL202200421 ngày 18/5/2022, có đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang ngày 18/5/2022.

- Các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 373706, DD 373707 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 06/04/2022 do ông Nguyễn Hữu H đứng tên theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7714LCL202200424 ngày 18/5/2022, có đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang ngày 18/5/2022.

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 258552 do UBND huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 21/12/2011 do ông Nguyễn Hữu H đứng tên theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7714LCL202200425 ngày 18/5/2022, có đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang ngày 19/5/2022.

Sau khi vay tiền của A- Chi nhánh B cho đến nay, ông Nguyễn Hữu H chỉ trả lãi cho Hợp đồng tín dụng số 7714LAV202200417 ngày 18/05/2022 đến ngày 02/02/2023 và chưa đóng lãi cho Hợp đồng thấu chi và phát hành, sử dụng thẻ ghi nợ số 7714-LAV-202300692 ngày 22/6/2023. Hiện dư nợ Hợp đồng tín dụng số 7714LAV202200417 là 2.500.000.000đ (Hai tỷ năm trăm triệu đồng) đã quá hạn

trả tiền gốc kể từ ngày 18/05/2023 và dư nợ Hợp đồng thấu chi số 7714-LAV-202300692 là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), số tiền lãi chưa thanh toán tính đến ngày 05/12/2023 của Hợp đồng tín dụng số 7714LAV202200417 là 348.886.986đ (Ba trăm bốn mươi tám triệu tám trăm tám mươi sáu ngàn chín trăm tám mươi sáu đồng) và Hợp đồng thấu chi số 7714-LAV-202300692 là 2.287.671đ (Hai triệu hai trăm tám mươi bảy ngàn sáu trăm bảy mươi mốt đồng).

Ngân hàng A yêu cầu Tòa án:

Buộc ông Nguyễn Hữu H và bà Đỗ Thị H phải có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng A toàn bộ số tiền gốc đã vay theo Hợp đồng tín dụng số 7714LAV202200417 ngày 18/5/2022 là 2.500.000.000đ (Hai tỷ, năm trăm triệu đồng), số tiền lãi trong hạn chưa trả tính đến ngày 28/3/2024 là 359.589.041đ (Ba trăm năm mươi chín triệu, năm trăm tám mươi chín ngàn, không trăm bốn mươi mốt đồng), số tiền lãi quá hạn chưa trả tính đến ngày 28/3/2024 là 135.702.055đ (Một trăm ba mươi lăm triệu, bảy trăm lẽ hai ngàn, không trăm năm mươi lăm đồng) và số tiền gốc theo Hợp đồng thấu chi số 7714-LAV-202300692 ngày 22/6/2023 là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), số tiền lãi chưa trả tính đến ngày 28/3/2024 là 3.849.315đ (Ba triệu, tám trăm bốn mươi chín ngàn, ba trăm mười lăm đồng); tổng cộng số tiền gốc và tiền lãi của 02 Hợp đồng là 3.049.140.411đ (Ba tỷ, không trăm bốn mươi chín triệu, một trăm bốn mươi ngàn, bốn trăm mười một đồng) cộng với số tiền lãi phát sinh thêm kể từ ngày 29/3/2024 đến ngày trả hết nợ. Nếu trong trường hợp ông Nguyễn Hữu H và bà Đỗ Thị H không trả được số nợ nêu trên cho Ngân hàng A thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng A theo quy định của pháp luật.

* *Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án,* ông Nguyễn Hữu H và bà Đỗ Thị H không hợp tác, không cung cấp bản tự khai cho Tòa án, không cung cấp bất kỳ chứng cứ, tài liệu nào cho Tòa án theo yêu cầu của Tòa án.

* *Tại phiên tòa,* ông Trịnh Hoàng G (Người được ủy quyền lại của Ngân hàng A) vẫn giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu nêu trên.

* *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo trình tự thủ tục pháp luật tố tụng quy định. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Do phát sinh tranh chấp trong việc thanh toán nợ vay nên Ngân hàng A có đơn khởi kiện đề ngày 14/8/2023 khởi kiện ông Nguyễn Hữu H và bà Đỗ Thị H tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh

Kiên Giang. Theo căn cước công dân của ông Nguyễn Hữu H và bà Đỗ Thị H thì ông Nguyễn Hữu H và bà Đỗ Thị H có hộ khẩu thường trú tại Đội G, thôn Á, xã L, huyện M, Thành phố H; nhưng hiện nay ông Nguyễn Hữu Hai và bà Đỗ Thị Hiền cư trú tại tổ 1, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh K và khu phố M, thị trấn M, huyện C, tỉnh K. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông Nguyễn Hữu H và bà Đỗ Thị H không có yêu cầu phản tố mặc dù Tòa án đã yêu cầu ông Nguyễn Hữu H và bà Đỗ Thị H cung cấp đơn phản tố hai lần. Và, ông Nguyễn Hữu H, bà Đỗ Thị H không hợp tác, không cung cấp bản tự khai cho Tòa án, không cung cấp bất kỳ chứng cứ, tài liệu nào cho Tòa án theo yêu cầu của Tòa án. Do đó, qua xem xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án xác định đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo các quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. Về việc vắng mặt ông Nguyễn Hữu H và bà Đỗ Thị H tại phiên tòa: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-KDTM, ngày 08/01/2024, Thông báo về việc thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 01/2024/QĐST-KDTM, ngày 29/02/2024 cho ông Nguyễn Hữu H và bà Đỗ Thị H theo quy định của pháp luật, ông Nguyễn Hữu H và bà Đỗ Thị H vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng, được sự thống nhất của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa và ông Trịnh Hoàng G (Người được ủy quyền lại của Ngân hàng A), Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Hữu H và bà Đỗ Thị H theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A:

2.1. Về việc vay nợ, người thanh toán nợ vay:

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông Nguyễn Hữu H và bà Đỗ Thị H không hợp tác, không cung cấp bản tự khai cho Tòa án, không cung cấp bất kỳ chứng cứ, tài liệu nào cho Tòa án theo yêu cầu của Tòa án; Tuy nhiên, qua xem xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án có đủ cơ sở xác định:

Nguyễn Hữu H và bà Đỗ Thị H đã ký kết với Ngân hàng A- Chi nhánh B các hợp đồng sau để vay vốn của Ngân hàng A- Chi nhánh B:

Hợp đồng tín dụng số 7714LAV202200417 ngày 18/05/2022 để vay số tiền là 2.500.000.000đ (Hai tỷ năm trăm triệu đồng), hạn trả cuối cùng vào ngày 17/05/2023, lãi suất trong hạn tại thời điểm vay là 9%/năm, lãi quá hạn là 13,5%/năm, thời hạn vay vốn 12 tháng, trả lãi 3 tháng/lần, trả nợ gốc 1 lần vào cuối kỳ, mục đích sử dụng vốn vay: Mua bán bia, nước ngọt, hải sản các loại.

Hợp đồng thấu chi và phát hành, sử dụng thẻ ghi nợ số 7714-LAV-202300692 ngày 22/6/2023 để vay số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), hạn trả cuối cùng là ngày 21/06/2024, lãi suất trong hạn tại thời điểm vay là 10.5%/năm, lãi quá hạn là 15,75%/năm, thời hạn vay vốn 12 tháng, trả lãi 3 tháng/lần, trả nợ gốc 1 lần vào cuối kỳ, mục đích sử dụng vốn vay: Tiêu dùng.

Tài sản thế chấp bảo đảm cho các hợp đồng nêu trên là:

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 151465 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 11/03/2022 do ông Nguyễn Hữu H đứng tên theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7714LCL202200421 ngày 18/5/2022, có đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang ngày 18/5/2022.

- Các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 373706, DD 373707 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 06/04/2022 do ông Nguyễn Hữu H đứng tên theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7714LCL202200424 ngày 18/5/2022, có đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang ngày 18/5/2022.

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 258552 do UBND huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 21/12/2011 do ông Nguyễn Hữu H đứng tên theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7714LCL202200425 ngày 18/5/2022, có đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang ngày 19/5/2022.

Sau khi vay tiền của Ngân hàng A- Chi nhánh B cho đến nay, ông Nguyễn Hữu H chỉ trả lãi cho Hợp đồng tín dụng số 7714LAV202200417 ngày 18/05/2022 đến ngày 02/02/2023 và chưa đóng lãi cho Hợp đồng thấu chi và phát hành, sử dụng thẻ ghi nợ số 7714-LAV-202300692 ngày 22/6/2023. Hiện dư nợ Hợp đồng tín dụng số 7714LAV202200417 là 2.500.000.000đ (Hai tỷ năm trăm triệu đồng) đã quá hạn trả tiền gốc kể từ ngày 18/05/2023 và dư nợ Hợp đồng thấu chi số 7714-LAV-202300692 là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) cùng tiền lãi phát sinh của hai hợp đồng nêu trên.

Tại phiên tòa, ông Trịnh Hoàng G (Người được ủy quyền lại của Ngân hàng A) yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Hữu H và bà Đỗ Thị H phải có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng A toàn bộ số tiền gốc đã vay theo Hợp đồng tín dụng số 7714LAV202200417 ngày 18/5/2022 là 2.500.000.000đ (Hai tỷ, năm trăm triệu đồng), số tiền lãi trong hạn chưa trả tính đến ngày 28/3/2024 là 359.589.041đ (Ba trăm năm mươi chín triệu, năm trăm tám mươi chín ngàn, không trăm bốn mươi mốt đồng), số tiền lãi quá hạn chưa trả tính đến ngày 28/3/2024 là 135.702.055đ (Một trăm ba mươi lăm triệu, bảy trăm lẽ hai ngàn, không trăm năm mươi lăm đồng) và số tiền gốc theo Hợp đồng thấu chi số 7714-LAV-202300692 ngày 22/6/2023 là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), số tiền lãi chưa trả tính đến ngày 28/3/2024 là 3.849.315đ (Ba triệu, tám trăm bốn mươi chín ngàn, ba trăm mười lăm đồng); tổng cộng số tiền gốc và tiền lãi của 02 Hợp đồng là 3.049.140.411đ (Ba tỷ, không trăm bốn mươi chín triệu, một trăm bốn mươi ngàn, bốn trăm mười một đồng) cộng với số tiền lãi phát sinh thêm kể từ ngày 29/3/2024 đến ngày trả hết nợ. Nếu trong trường hợp ông Nguyễn Hữu H và bà Đỗ Thị H không trả được số nợ nêu trên cho Ngân hàng A thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan có

thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng A theo quy định của pháp luật.

Xét rằng:

Ông Nguyễn Hữu H và bà Đỗ Thị H đã vi phạm hai hợp đồng nêu trên, gây thiệt hại về quyền lợi chính đáng của Ngân hàng A.

Qua thảo luận và nghị án, căn cứ vào các Điều 317, 318, 319, 320, 351, 357, 385, 401, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Hội đồng xét xử thống nhất:

Buộc ông Nguyễn Hữu H và bà Đỗ Thị H phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho Ngân hàng A toàn bộ số tiền gốc đã vay theo Hợp đồng tín dụng số 7714LAV202200417 ngày 18/5/2022 là 2.500.000.000đ (Hai tỷ, năm trăm triệu đồng), số tiền lãi trong hạn chưa trả tính đến ngày 28/3/2024 là 359.589.041đ (Ba trăm năm mươi chín triệu, năm trăm tám mươi chín ngàn, không trăm bốn mươi mốt đồng), số tiền lãi quá hạn chưa trả tính đến ngày 28/3/2024 là 135.702.055đ (Một trăm ba mươi lăm triệu, bảy trăm lẽ hai ngàn, không trăm năm mươi lăm đồng) và số tiền gốc theo Hợp đồng thấu chi số 7714-LAV-202300692 ngày 22/6/2023 là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), số tiền lãi chưa trả tính đến ngày 28/3/2024 là 3.849.315đ (Ba triệu, tám trăm bốn mươi chín ngàn, ba trăm mười lăm đồng); tổng cộng số tiền gốc và tiền lãi của 02 Hợp đồng là 3.049.140.411đ (Ba tỷ, không trăm bốn mươi chín triệu, một trăm bốn mươi ngàn, bốn trăm mười một đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, nếu người phải thi hành án không hoàn trả hoặc hoàn trả không đủ số tiền nêu trên cho Ngân hàng A, thì người phải thi hành án còn phải trả cho Ngân hàng A khoản tiền lãi theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 7714LAV202200417 ngày 18/05/2022, Hợp đồng thấu chi và phát hành, sử dụng thẻ ghi nợ số 7714-LAV-202300692 ngày 22/6/2023 tương ứng với số tiền nợ gốc chưa thanh toán và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp ông Nguyễn Hữu H, bà Đỗ Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ như đã nêu trên cho Ngân hàng A, thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7714LCL202200421 ngày 18/5/2022, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7714LCL202200424 ngày 18/5/2022, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7714LCL202200425 ngày 18/5/2022 để thu hồi nợ cho Ngân hàng A theo quy định của pháp luật.

2.2. Việc ông Nguyễn Hữu H, bà Đỗ Thị H thanh toán số tiền nêu trên cho Ngân hàng A như thế nào thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Từ những nhận xét trên, Tòa án chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng A (Thông qua Người được ủy quyền lại của Agribank là ông Trịnh Hoàng G).

[3] Về án phí:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm đ Tiểu mục 1.4, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016,

Tòa án buộc ông Nguyễn Hữu H và bà Đỗ Thị H phải có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là: 72.000.000 đồng + (1.049.140.411 đồng x 2%) = 92.982.808đ (Chín mươi hai triệu, chín trăm tám mươi hai ngàn, tám trăm lẽ tám đồng).

Ngân hàng A được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 36.750.000đ (Ba mươi sáu triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000994, ngày 20/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 317, 318, 319, 320, 351, 357, 385, 401, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm đ Tiểu mục 1.4, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Xử:

1- Buộc ông Nguyễn Hữu H và bà Đỗ Thị H phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho Ngân hàng A toàn bộ số tiền gốc đã vay theo Hợp đồng tín dụng số 7714LAV202200417 ngày 18/5/2022 là 2.500.000.000đ (Hai tỷ, năm trăm triệu đồng), số tiền lãi trong hạn chưa trả tính đến ngày 28/3/2024 là 359.589.041đ (Ba trăm năm mươi chín triệu, năm trăm tám mươi chín ngàn, không trăm bốn mươi mốt đồng), số tiền lãi quá hạn chưa trả tính đến ngày 28/3/2024 là 135.702.055đ (Một trăm ba mươi lăm triệu, bảy trăm lẽ hai ngàn, không trăm năm mươi lăm đồng) và số tiền gốc theo Hợp đồng thấu chi số 7714-LAV-202300692 ngày 22/6/2023 là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), số tiền lãi chưa trả tính đến ngày 28/3/2024 là 3.849.315đ (Ba triệu, tám trăm bốn mươi chín ngàn, ba trăm mười lăm đồng); tổng cộng số tiền gốc và tiền lãi của 02 Hợp đồng là 3.049.140.411đ (Ba tỷ, không trăm bốn mươi chín triệu, một trăm bốn mươi ngàn, bốn trăm mười một đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, nếu người phải thi hành án không hoàn trả hoặc hoàn trả không đủ số tiền nêu trên cho Ngân hàng A, thì người phải thi hành án còn phải trả cho Ngân hàng A khoản tiền lãi theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 7714LAV202200417 ngày 18/05/2022, Hợp đồng thấu chi và phát hành, sử dụng thẻ ghi nợ số 7714-LAV-202300692 ngày 22/6/2023 tương ứng với số tiền nợ gốc chưa thanh toán và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp ông Nguyễn Hữu H, bà Đỗ Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ như đã nêu trên cho Ngân hàng A, thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7714LCL202200421 ngày 18/5/2022, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7714LCL202200424 ngày 18/5/2022, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7714LCL202200425 ngày 18/5/2022 để thu hồi nợ cho Ngân hàng A theo quy định của pháp luật.

2- Về án phí:

Buộc ông Nguyễn Hữu H và bà Đỗ Thị H phải có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 92.982.808đ (Chín mươi hai triệu, chín trăm tám mươi hai ngàn, tám trăm lẽ tám đồng).

Ngân hàng A được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 36.750.000đ (Ba mươi sáu triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000994, ngày 20/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3- Về quyền kháng cáo: Ngân hàng A có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án (28/3/2024); ông Nguyễn Hữu H, bà Đỗ Thị H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được niêm yết, tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS h Châu Thành, KG (khi án có hlpl);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ VA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thu Hương